

**BẢN THUYẾT MINH, SO SÁNH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ VỊ TRÍ VIỆC LÀM VIÊN CHỨC
VỚI QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH¹**

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
Nghị định này quy định về nguyên tắc, trình tự, trách nhiệm, thẩm quyền quyết định và điều chỉnh vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.	Nghị định này quy định về nguyên tắc, cấu trúc vị trí việc làm, trình tự, thủ tục xác định, thẩm quyền phê duyệt, quản lý vị trí việc làm viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.	Được biên tập lại theo đúng quy định của Luật Viên chức số 129/2025/QH15
Điều 2. Đối tượng áp dụng	Điều 2. Đối tượng áp dụng	Nội dung được biên tập để bao quát các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng vị trí việc làm
Nghị định này áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ (trừ Bộ Quốc phòng và Bộ Công an), cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	1. Nghị định này áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là bộ, ngành Trung ương); đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã. 2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm	

¹ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
	toán nhà nước quyết định việc áp dụng quy định tại Nghị định này trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.	
	3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định việc áp dụng quy định tại Nghị định này trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.	
	4. Cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam quy định danh mục vị trí việc làm viên chức và quyết định việc áp dụng quy định tại Nghị định này trong đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội.	
	5. Đơn vị sự nghiệp thuộc các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ; đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị sự nghiệp công lập quyết định việc áp dụng các quy định tại Nghị định này.	
	6. Viên chức quy định tại Điều 1 Luật Viên chức số 129/2025/QH15 và người ký hợp đồng lao động làm việc ở vị trí việc làm viên chức theo quy định của pháp luật.	
Điều 3. Nguyên tắc xác định vị trí việc làm và số lượng người làm việc	Điều 3. Nguyên tắc xác định, quản lý vị trí việc làm viên chức	Nội dung được biên tập phù hợp với Luật Viên chức năm 2025 và thực tiễn quản lý
1. Thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng và của pháp luật về vị trí việc làm, số lượng người làm việc và tinh giản biên chế trong đơn vị sự nghiệp công lập.	1. Tuân thủ các quy định của Đảng, của pháp luật về vị trí việc làm và tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm.	
2. Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và	2. Bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch,	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập.	dân chủ và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập; tuân thủ quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật về hoạt động nghề nghiệp.	
3. Bảo đảm tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch, hiệu quả và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập.	3. Thường xuyên rà soát, điều chỉnh kịp thời về danh mục vị trí việc làm được sử dụng tại đơn vị sự nghiệp công lập khi có thay đổi về căn cứ xác định vị trí việc làm quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Viên chức số 129/2025/QH15.	
4. Bảo đảm một người làm việc phải được giao đủ khối lượng công việc để thực hiện theo thời gian lao động quy định. Những vị trí việc làm không có đủ khối lượng công việc để thực hiện theo thời gian quy định của một người làm việc thì phải bố trí kiêm nhiệm.	4. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo đảm quyền tự chủ toàn diện của đơn vị sự nghiệp công lập gắn với trách nhiệm của người đứng đầu trong việc quản lý, sử dụng, bố trí viên chức theo vị trí việc làm trên cơ sở danh mục vị trí việc làm và khung năng lực tương ứng với các bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm ban hành kèm theo Nghị định này; bảo đảm liên thông, thống nhất trong công tác cán bộ.	
5. Bảo đảm cơ cấu hợp lý, trong đó số lượng người làm việc tại các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung chiếm tỉ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập.	5. Viên chức được bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý được xác định vị trí việc làm chính là vị trí việc làm quản lý. Viên chức quản lý trực tiếp thực hiện hoạt động chuyên môn theo phân công, yêu cầu nhiệm vụ không làm phát sinh vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ khác.	
	6. Ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý vị trí việc làm.	
Điều 4. Căn cứ xác định vị trí việc làm, số lượng người làm việc và cơ cấu viên chức theo chức	Điều 4. Danh mục vị trí việc làm viên chức	Nội dung quy định thể hiện tư tưởng quản lý viên chức theo vị

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
danh nghề nghiệp		trí việc làm quy định tại Luật Viên chức năm 2025 và bảo đảm việc thực hiện xác định vị trí việc làm thực hiện thống nhất theo danh mục do Chính phủ quy định
1. Căn cứ xác định vị trí việc làm bao gồm:	1. Danh mục vị trí việc làm viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập được xác định theo các nhóm vị trí việc làm ban hành kèm theo Nghị định này, gồm:	
a) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập;	a) Phụ lục I: Danh mục vị trí việc làm quản lý;	
b) Mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động; phạm vi, đối tượng phục vụ; quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.	b) Phụ lục II: Danh mục vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ;	
2. Căn cứ xác định số lượng người làm việc bao gồm:	c) Phụ lục III: Danh mục vị trí việc làm hỗ trợ.	
a) Vị trí việc làm và khối lượng công việc thực tế tại từng vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập;	2. Danh mục vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ và danh mục vị trí việc làm hỗ trợ được xác định theo nguyên tắc mỗi lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp hoặc lĩnh vực hoạt động khác tương ứng với một vị trí việc làm.	
b) Mức độ hiện đại hóa công sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin;	Trong từng vị trí việc làm, việc tổ chức thực hiện được phân theo các nhóm chuyên môn, lĩnh vực chuyên sâu hoặc loại hình công việc nhằm phản ánh đầy đủ nội dung hoạt động nghề nghiệp, phù hợp với đặc thù của ngành, lĩnh vực và yêu cầu thực tiễn của đơn vị sự nghiệp công lập.	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
c) Thực trạng quản lý, sử dụng số lượng người làm việc được giao của đơn vị.	3. Danh mục vị trí việc làm tại Phụ lục II và Phụ lục III quy định tại khoản 1 Điều này là danh mục vị trí việc làm khung, trong đó đã xác định các bậc phát triển nghề nghiệp của từng vị trí việc làm, được áp dụng thống nhất trong các đơn vị sự nghiệp công lập.	
3. Căn cứ xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp bao gồm:	Căn cứ danh mục vị trí việc làm khung, đơn vị sự nghiệp công lập lựa chọn các vị trí việc làm và các bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm tương ứng được sử dụng tại đơn vị mình, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao để thực hiện việc tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, thực hiện chính sách tiền lương, chế độ, chính sách và các nội dung quản lý khác đối với viên chức theo vị trí việc làm.	
a) Danh mục vị trí việc làm;		
b) Mức độ phức tạp của công việc của vị trí việc làm;		
c) Tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp viên chức tương ứng với vị trí việc làm.		
	Điều 5. Bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm	Quy định bảo đảm viên chức chuyên môn, nghiệp vụ và hỗ trợ có sự phát triển thăng tiến trong thực hiện nhiệm vụ
	1. Bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm là mức độ phát triển nghề nghiệp của viên chức trong cùng một vị trí việc làm, được xác định trên cơ sở mức độ phức tạp của nhiệm vụ, kết quả, sản phẩm công việc, mức độ đáp ứng khung năng lực và phạm vi	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
	trách nhiệm, ảnh hưởng chuyên môn.	
	2. Hệ thống bậc nghề nghiệp của từng vị trí việc làm được quy định thống nhất trong Danh mục vị trí việc làm tại Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này, áp dụng chung trong toàn quốc; cơ quan, tổ chức, đơn vị không được tự thiết kế, bổ sung hoặc thay đổi hệ thống bậc của vị trí việc làm; không bắt buộc sử dụng đầy đủ các bậc trong mọi vị trí việc làm.	
	3. Viên chức được bố trí vào một bậc nghề nghiệp cụ thể trong vị trí việc làm phù hợp với năng lực và yêu cầu công việc. Việc thay đổi bậc nghề nghiệp đối với viên chức không làm thay đổi vị trí việc làm áp dụng đối với viên chức đó.	
	4. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về chức danh, tiêu chuẩn chuyên môn, chuẩn nghề nghiệp hoặc điều kiện hành nghề thì các nội dung này được tích hợp vào yêu cầu của các bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm; không tổ chức hệ thống chức danh viên chức chuyên ngành như một hệ thống quản lý độc lập song song với hệ thống vị trí việc làm.	
	Điều 6. Bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm	Quy định bảo đảm thực hiện thống nhất trong xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm
	1. Mỗi vị trí việc làm được xây dựng 01 bản mô tả công việc và khung năng lực bao gồm các nội dung cơ bản sau:	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
	a) Thông tin chung về vị trí việc làm;	
	b) Mục tiêu của vị trí;	
	c) Nhiệm vụ, sản phẩm của vị trí việc làm (tương ứng với từng bậc nghề nghiệp);	
	d) Khung năng lực của vị trí việc làm (tương ứng với từng bậc nghề nghiệp);	
	đ) Mối quan hệ công tác;	
	e) Phạm vi, quyền hạn;	
	g) Yêu cầu về trình độ, kinh nghiệm, phẩm chất, bao gồm tiêu chuẩn chuyên môn, nghề nghiệp (nếu có), điều kiện hành nghề (nếu có).	
	2. Đối với vị trí việc làm quản lý, bản mô tả công việc và khung năng lực phải bao gồm nội dung về nhiệm vụ quản lý, sản phẩm quản lý và năng lực quản lý, được thiết kế phù hợp với các bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm.	
	3. Mức độ phức tạp của nhiệm vụ tương ứng với bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm:	
	a) Bậc 1: Thực hiện nhiệm vụ cơ bản theo hướng dẫn, quy trình có sẵn;	
	b) Bậc 2: Thực hiện nhiệm vụ độc lập theo quy trình;	
	c) Bậc 3: Phân tích, tổng hợp thông tin, xử lý các tình huống phát sinh; chịu trách nhiệm độc lập về kết quả nhiệm vụ;	
	d) Bậc 4: Chủ trì, tổ chức thực hiện; phân công, kiểm tra, đánh giá;	
	đ) Bậc 5: Định hướng, dẫn dắt phát triển chuyên môn; hoàn thiện phương pháp, quy trình.	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
	4. Cấp độ yêu cầu về năng lực tương ứng với bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm:	
	a) Cấp độ 1: Thực hiện công việc đơn giản, theo hướng dẫn;	
	b) Cấp độ 2: Thực hiện chuyên môn cơ bản, hỗ trợ thực hiện chuyên môn sâu;	
	c) Cấp độ 3: Phân tích, đánh giá và xử lý độc lập nhiệm vụ, tình huống;	
	d) Cấp độ 4: Chủ trì, tổ chức thực hiện chuyên môn cao;	
	đ) Cấp độ 5: Chủ trì, tổ chức thực hiện chuyên môn sâu; dẫn dắt, phát triển chuyên môn.	
	5. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về chuẩn nghề nghiệp, tiêu chuẩn chức danh, điều kiện hành nghề hoặc phân hạng chuyên môn thì các nội dung này được tích hợp vào bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực sự nghiệp (nếu có), làm căn cứ xác định nhiệm vụ, sản phẩm, kết quả đầu ra, yêu cầu năng lực từng bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm.	
	6. Căn cứ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 Điều này, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm viên chức theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này.	
	Điều 7. Mối quan hệ giữa vị trí việc làm viên chức quản lý và vị trí việc làm viên chức	Làm rõ mối quan hệ vị trí việc làm quản lý với vị trí việc làm

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
	chuyên môn, nghiệp vụ	chuyên môn trong điều kiện chưa có quy định xếp lương theo vị trí việc làm quản lý
	1. Nhiệm vụ chuyên môn của vị trí việc làm viên chức quản lý được xây dựng theo nhiệm vụ chuyên môn của vị trí việc làm viên chức chuyên môn, nghiệp vụ tương ứng với lĩnh vực hoạt động sự nghiệp mà viên chức được giao phụ trách.	
	2. Viên chức được bố trí vào vị trí việc làm quản lý không làm thay đổi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức; viên chức quản lý có trách nhiệm duy trì, phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ trong thời gian giữ chức vụ quản lý.	
	3. Khi thôi giữ vị trí việc làm quản lý, viên chức được xem xét bố trí vào vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đã được đánh giá theo quy định.	
	4. Việc xếp lương đối với viên chức quản lý theo chức danh chuyên môn, nghiệp vụ đang giữ phải bảo đảm phù hợp với mức độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, khung năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm viên chức chuyên môn, nghiệp vụ tương ứng.	
Chương II	Chương II	
VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP	XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM	
Điều 5. Phân loại vị trí việc làm		

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
1. Phân loại theo khối lượng công việc		
a) Vị trí việc làm do một người đảm nhận.		
b) Vị trí việc làm do nhiều người đảm nhận.		
c) Vị trí việc làm kiêm nhiệm.		
2. Phân loại theo tính chất, nội dung công việc		
a) Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý.		
b) Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành.		
c) Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung (hành chính, tổng hợp, quản trị văn phòng, tổ chức cán bộ, kế hoạch tài chính và các vị trí việc làm không giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành của đơn vị sự nghiệp công lập).		
d) Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ.		
Điều 6. Trình tự phê duyệt vị trí việc làm	Điều 8. Xác định vị trí việc làm, xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm	Nội dung này quy định thống nhất thực hiện theo Danh mục khung, mẫu bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm
1. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	1. Căn cứ danh mục vị trí việc làm khung và các bậc nghề nghiệp tương ứng của vị trí việc làm quy định tại Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, lĩnh vực hoạt động sự nghiệp theo quy định của cấp có thẩm quyền, đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm:	
Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định này, đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng Đề án vị trí việc làm, tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị sự	a) Lựa chọn các vị trí việc làm cụ thể để sử dụng trong đơn vị mình;	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
<p>nghiệp công lập đề trình Hội đồng quản lý thông qua; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sau khi được Hội đồng quản lý thông qua.</p>		
<p>2. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên</p>	<p>b) Lựa chọn các bậc nghề nghiệp được sử dụng của từng vị trí việc làm trong số các bậc đã được quy định tại danh mục vị trí việc làm theo quy định tại Nghị định này;</p>	
<p>Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định này và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo ngành, lĩnh vực, đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng Đề án vị trí việc làm, tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập có Hội đồng quản lý thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải trình Hội đồng quản lý thông qua trước khi quyết định phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.</p>	<p>c) Xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm quy định tại khoản 6 Điều 6 Nghị định này; xác định yêu cầu về trình độ đào tạo, điều kiện hành nghề (nếu có) phù hợp với pháp luật chuyên ngành;</p>	
<p>3. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên</p>	<p>d) Xác định tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.</p>	
<p>a) Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định này và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo ngành, lĩnh vực, đơn vị sự nghiệp công</p>	<p>2. Việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm phải bảo đảm phù hợp với hướng dẫn về nội dung chuyên môn, nghiệp vụ, khung năng lực và yêu cầu chuyên môn, nghề</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
lập xây dựng Đề án vị trí việc làm, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp để báo cáo cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm b khoản này thẩm định.	nghiệp do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực sự nghiệp ban hành (nếu có).	
b) Các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là bộ, ngành, địa phương) hoặc cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức được phân cấp, ủy quyền quản lý, sử dụng vị trí việc làm theo quy định thực hiện tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định Đề án vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập và trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại điểm c khoản này phê duyệt.		
c) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc cơ quan, tổ chức được phân cấp, ủy quyền quản lý, sử dụng vị trí việc làm theo quy định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề		

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.		
4. Hội đồng trường của trường đại học công lập ban hành danh mục vị trí việc làm của đơn vị theo quy định của Luật Giáo dục đại học và Nghị định này.		
	Điều 9. Tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm	
	1. Việc xác định tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm phải được thực hiện bảo đảm:	
	a) Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, mức độ phức tạp của hoạt động sự nghiệp và yêu cầu về chất lượng, khối lượng, sản phẩm đầu ra;	
	b) Gắn với chiến lược phát triển của đơn vị sự nghiệp công lập, lộ trình nâng cao chất lượng đội ngũ và yêu cầu đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số;	
	c) Bảo đảm cân đối hợp lý giữa các bậc nghề nghiệp trong từng vị trí việc làm, phản ánh đúng cấu trúc năng lực của đội ngũ;	
	d) Bảo đảm tính linh hoạt, thích ứng với sự thay đổi của yêu cầu nhiệm vụ.	
	2. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt vị trí việc làm quyết định tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc phát triển nghề nghiệp của vị trí việc làm như sau:	
	a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên: Tỷ lệ bố trí ở bậc cao nhất trong từng vị trí việc làm được sử dụng không vượt quá 1/3 tổng số biên chế sự nghiệp được giao của đơn vị sự nghiệp, trừ trường	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
	hợp đặc thù do cấp có thẩm quyền quyết định.	
	b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, tự bảo đảm chi thường xuyên và tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Tỷ lệ được xác định phù hợp với yêu cầu hoạt động và khả năng tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, không khống chế tỷ lệ theo từng bậc.	
Điều 7. Hồ sơ và thời hạn thẩm định Đề án vị trí việc làm	Điều 10. Phê duyệt vị trí việc làm	Nội dung được điều chỉnh khi đơn vị sự nghiệp không phải xây dựng Đề án vị trí việc làm
1. Hồ sơ đề nghị thẩm định Đề án vị trí việc làm gồm:	1. Đơn vị sự nghiệp công lập lập hồ sơ đề nghị phê duyệt vị trí việc làm của đơn vị mình, gửi cơ quan, tổ chức tham mưu về tổ chức cán bộ của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phê duyệt vị trí việc làm để rà soát, tổng hợp. Hồ sơ gồm có:	
a) Văn bản đề nghị thẩm định Đề án vị trí việc làm;	a) Văn bản đề nghị phê duyệt vị trí việc làm;	
b) Đề án vị trí việc làm;	b) Danh mục vị trí việc làm được sử dụng trong đơn vị sự nghiệp;	
c) Bản sao các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập;	c) Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm;	
d) Các văn bản khác có liên quan đến việc xây dựng đề án vị trí việc làm (nếu có).	d) Các bậc được sử dụng trong từng vị trí việc làm; Bậc thấp nhất, bậc cao nhất;	
2. Nội dung Đề án vị trí việc làm gồm:	đ) Tỷ lệ, số lượng bố trí viên chức theo từng bậc.	
a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý của việc xây dựng Đề án vị trí việc làm;	2. Cơ quan, tổ chức tham mưu về tổ chức cán bộ của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phê duyệt vị trí việc làm có trách nhiệm rà soát, tổng hợp, trình cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt vị trí việc	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
	làm xem xét, quyết định.	
b) Thống kê và phân nhóm công việc theo chức năng, nhiệm vụ, tính chất, mức độ phức tạp;	Trường hợp khi nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt vị trí việc làm nhưng thành phần chưa đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan, tổ chức tham mưu về tổ chức cán bộ có văn bản đề nghị đơn vị sự nghiệp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.	
c) Xác định vị trí việc làm, trong đó có: Bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực, chức danh nghề nghiệp của từng vị trí việc làm;	3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị phê duyệt vị trí việc làm, cơ quan, tổ chức tham mưu về tổ chức cán bộ phải hoàn thành việc rà soát, tổng hợp, báo cáo cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phê duyệt vị trí việc làm xem xét, quyết định. Nội dung rà soát gồm:	
d) Tổng hợp vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập;	a) Sự phù hợp của danh mục vị trí việc làm được xác định so với chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động theo quy định của cấp có thẩm quyền;	
đ) Kiến nghị, đề xuất (nếu có).	b) Sự phù hợp của bản mô tả công việc và khung năng lực đối với từng vị trí việc làm so với chức năng, nhiệm vụ, quy mô quản lý, tính chất, yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị;	
3. Thời hạn thẩm định	c) Sự phù hợp của việc lựa chọn và sử dụng các bậc nghề nghiệp so với Danh mục vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị;	
Trong thời hạn 40 ngày (đối với hồ sơ đề nghị thẩm định và phê duyệt lần đầu), 25 ngày (đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan, tổ chức được giao trách nhiệm thẩm định Đề án vị trí việc làm quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này phải hoàn thành việc thẩm định để trình	d) Việc tuân thủ nguyên tắc không tự thiết kế hoặc thay đổi hệ thống bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm;	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp cấp có thẩm quyền quyết định không đồng ý thì thông báo bằng văn bản cho đơn vị sự nghiệp công lập và nêu rõ lý do.		
	đ) Sự hợp lý của cơ cấu viên chức theo bậc nghề nghiệp, bao gồm: Tỷ lệ phân bổ giữa các bậc; việc tuân thủ tỷ lệ bậc cao nhất;	
	e) Sự phù hợp của số lượng viên chức theo vị trí việc làm và theo từng bậc.	
	4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo của cơ quan, tổ chức tham mưu về tổ chức cán bộ, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phê duyệt vị trí việc làm ban hành quyết định phê duyệt danh mục vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập, đồng thời gửi Bộ Nội vụ để tổng hợp, theo dõi chung. Quyết định phê duyệt vị trí việc làm phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:	
	a) Danh mục vị trí việc làm;	
	b) Các bậc nghề nghiệp được sử dụng đối với từng vị trí việc làm;	
	c) Bậc thấp nhất, bậc cao nhất của từng vị trí việc làm;	
	d) Tỷ lệ bố trí viên chức trong từng vị trí việc làm theo từng bậc nghề nghiệp.	
	5. Quyết định phê duyệt vị trí việc làm là căn cứ	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
	đề đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và quản lý viên chức theo quy định của pháp luật. Việc tuyển dụng, bố trí, sử dụng viên chức phải thực hiện theo đúng danh mục vị trí việc làm, bậc nghề nghiệp và cơ cấu bậc đã được phê duyệt.	
Điều 8. Điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp	Điều 11. Điều chỉnh vị trí việc làm và tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm	Được điều chỉnh phù hợp với quy định Luật Viên chức năm 2025
1. Việc điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện trong các trường hợp sau:	1. Việc điều chỉnh vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định này, thực hiện trong các trường hợp sau đây:	
a) Đơn vị sự nghiệp công lập có sự thay đổi một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này;	a) Có sự thay đổi một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Viên chức số 129/2025/QH15;	
b) Đơn vị sự nghiệp công lập được tổ chức lại theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	b) Thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi cung ứng dịch vụ sự nghiệp công;	
2. Trình tự, hồ sơ điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định này.	c) Yêu cầu cơ cấu lại, sắp xếp đội ngũ.	
	2. Việc điều chỉnh tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp được xem xét điều chỉnh trong các trường hợp sau đây:	
	a) Thay đổi chức năng, nhiệm vụ, quy mô hoặc phạm vi hoạt động;	
	b) Thay đổi yêu cầu về chất lượng, cơ cấu sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công;	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
	c) Thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực hoặc cơ cấu lại đội ngũ;	
	d) Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.	
Chương III		
SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP		
Điều 9. Trình tự phê duyệt số lượng người làm việc hàng năm		
1. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên căn cứ khoản 2 Điều 4 Nghị định này và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực để lập kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm; tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập có Hội đồng quản lý thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải trình Hội đồng quản lý thông qua trước khi quyết định phê duyệt số lượng người làm việc của đơn vị.		
2. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên		
a) Căn cứ khoản 2 Điều 4 Nghị định này và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực, đơn vị sự nghiệp		

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
<p>công lập lập kế hoạch số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước hàng năm của đơn vị mình, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp để báo cáo cơ quan, tổ chức quy định tại điểm b khoản này. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thì kế hoạch số lượng người làm việc gồm: Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp.</p>		
<p>b) Các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của bộ, ngành, địa phương tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định số lượng người làm việc đối với đơn vị sự nghiệp công lập, tổng hợp số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên của bộ, ngành, địa phương trình người đứng đầu bộ, ngành, địa phương để gửi Bộ Nội vụ thẩm định.</p>		
<p>c) Bộ Nội vụ thẩm định kế hoạch số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên của bộ, ngành, địa phương.</p>		
<p>d) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành</p>		

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
<p>lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh quyết định giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc được Bộ Nội vụ thẩm định; quyết định giao số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý.</p>		
<p>đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc đã được Bộ Nội vụ thẩm định; quyết định giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc được Hội đồng nhân dân phê duyệt; quyết định giao số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý.</p>		

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
Điều 10. Hồ sơ và thời hạn gửi kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm		
1. Hồ sơ kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương gồm:		
a) Văn bản đề nghị;		
b) Kế hoạch số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều này, kèm theo văn bản làm cơ sở xác định số lượng người làm việc;		
c) Bản sao các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập của đơn vị hoặc của bộ, ngành, địa phương của năm trước liền kề với năm kê hoạch;		
d) Các văn bản liên quan (nếu có).		
2. Nội dung kế hoạch số lượng người làm việc gồm:		
a) Sự cần thiết của việc lập kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm;		
b) Báo cáo đánh giá việc giao và sử dụng số lượng người làm việc của năm trước liền kề năm lập kế hoạch và tại thời điểm lập kế hoạch;		
c) Xác định số lượng người làm việc kèm theo việc thống kê, tổng hợp số liệu số lượng người làm việc của năm kê hoạch theo Phụ lục IA, Phụ lục IB, Phụ lục IIA và Phụ lục IIB ban hành kèm theo Nghị định này;		

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
d) Giải pháp thực hiện kế hoạch số lượng người làm việc sau khi được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt, dự kiến nguồn viên chức, hợp đồng lao động bổ sung, thay thế, thực hiện chính sách tinh giản biên chế và dự toán kinh phí để thực hiện;		
đ) Kiến nghị, đề xuất.		
3. Thời gian gửi kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm của bộ, ngành, địa phương		
a) Trước ngày 01 tháng 5 hàng năm, bộ, ngành, địa phương gửi kế hoạch số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của năm tiếp theo liền kề về Bộ Nội vụ.		
b) Sau thời hạn quy định tại điểm a khoản này, bộ, ngành, địa phương không gửi kế hoạch số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của năm tiếp theo liền kề thì Bộ Nội vụ sẽ thông báo tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên của bộ, ngành, địa phương với tỷ lệ tinh giản biên chế cao hơn 01% (một phần trăm) so với tỷ lệ tinh giản biên chế theo lộ trình quy định.		
Điều 11. Điều chỉnh số lượng người làm việc hàng năm		
1. Việc điều chỉnh số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện trong các trường hợp sau:		

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
a) Đơn vị sự nghiệp công lập có thay đổi một trong các căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này;		
b) Đơn vị sự nghiệp công lập thành lập, tổ chức lại theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.		
2. Trình tự, hồ sơ điều chỉnh số lượng người làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Nghị định này.		
Chương IV	Chương IV	
TRÁCH NHIỆM VÀ THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP	THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, QUYẾT ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Nội dung được điều chỉnh phù hợp với quy định mới của Luật Viên chức và xác định thẩm quyền trong quản lý, quyết định vị trí việc làm
Điều 15. Trách nhiệm và thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	Điều 12. Thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ Nội vụ	
1. Hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý; vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo đề xuất của bộ quản lý ngành, lĩnh vực	1. Trình Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật về vị trí việc làm viên chức.	
2. Trước ngày 01 tháng 7 hàng năm, thẩm định số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của năm sau liền kê đối với bộ, ngành, địa phương theo	2. Tổng hợp vị trí việc làm và việc bố trí viên chức theo vị trí việc làm tại các bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
<p>quy định tại điểm c khoản 2 Điều 9 Nghị định này. Trường hợp số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tăng so với số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được thẩm định của năm trước liền kề thì trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trước khi gửi văn bản thẩm định số lượng người làm việc đối với bộ, ngành, địa phương.</p>		
<p>3. Thống kê, tổng hợp vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của cả nước; báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>3. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật về vị trí việc làm viên chức tại các bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p>	
<p>4. Kiểm tra, thanh tra, đôn đốc việc thực hiện quản lý, sử dụng vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.</p>		
<p>5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.</p>		
<p>Điều 12. Trách nhiệm và thẩm quyền của người đứng đầu bộ, ngành</p>	<p>Điều 13. Thẩm quyền, trách nhiệm của bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</p>	
<p>1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ</p>	<p>1. Chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý xác định vị trí việc làm, bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm, xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm, thực hiện việc bố trí viên chức theo vị trí việc làm của đơn vị mình theo quy định tại Nghị định này.</p>	
<p>a) Hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý</p>	<p>2. Phê duyệt, điều chỉnh hoặc phân cấp, ủy quyền</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm và tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.	
b) Xây dựng vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý gửi Bộ Nội vụ để Bộ Nội vụ ban hành.	3. Kiểm tra việc chấp hành các quy định về vị trí việc làm và tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.	
2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập	4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về vị trí việc làm và tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.	
a) Quyết định phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này.	5. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả triển khai, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện về Bộ Nội vụ để theo dõi và tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu về vị trí việc làm viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật.	
b) Phân cấp hoặc ủy quyền quản lý, sử dụng vị trí việc làm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.	Điều 14. Thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực sự nghiệp	
c) Tổ chức thẩm định, tổng hợp kế hoạch số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập	1. Hướng dẫn về phương pháp tích hợp chuẩn nghề nghiệp, tiêu chuẩn chức danh, điều kiện hành	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Điều 10 Nghị định này gửi Bộ Nội vụ để thẩm định.	nghề (nếu có) hoặc phân hạng chuyên môn vào các bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm.	
d) Quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách bảo đảm chi thường xuyên trong tổng số người làm việc được Bộ Nội vụ thẩm định.	2. Hướng dẫn nội dung chuyên môn, nghiệp vụ áp dụng đối với các vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý tương ứng từng bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm, bao gồm: nhiệm vụ chuyên môn chủ yếu; sản phẩm, kết quả đầu ra của vị trí việc làm.	
đ) Quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 9 Nghị định này.	3. Hướng dẫn xử lý các tình huống đặc thù, vấn đề phát sinh trong quá trình xác định, sử dụng vị trí việc làm thuộc ngành, lĩnh vực.	
e) Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra theo thẩm quyền việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý và thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành.	4. Trong thời gian Bộ quản lý ngành, lĩnh vực sự nghiệp chưa ban hành hướng dẫn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, đơn vị sự nghiệp công lập được áp dụng trực tiếp quy định tại Nghị định này để xác định vị trí việc làm, bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm, xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm tại đơn vị; sau khi có hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực thì thực hiện rà soát, điều chỉnh cho phù hợp.	
g) Định kỳ hàng năm thống kê, tổng hợp, báo cáo về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của năm trước liền kề theo Phụ lục III và Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này, gửi Bộ Nội vụ trước ngày 31 tháng 01 hàng năm để tổng hợp,		

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
báo cáo Thủ tướng Chính phủ.		
h) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.		
Điều 13. Trách nhiệm và thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		
Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên của địa phương.		
Điều 14. Trách nhiệm và thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		
1. Quyết định phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này.		
2. Phân cấp hoặc ủy quyền quản lý, sử dụng vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.		
3. Tổ chức thẩm định, tổng hợp kế hoạch số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Điều 10		

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
Nghị định này gửi Bộ Nội vụ để thẩm định.		
4. Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc đã được Bộ Nội vụ thẩm định.		
5. Quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.		
6. Quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 9 Nghị định này.		
7. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.		
8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc		

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.		
9. Định kỳ hàng năm, thống kê, tổng hợp, báo cáo về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của năm trước liền kề theo Phụ lục III và Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này gửi Bộ Nội vụ trước ngày 31 tháng 01 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.		
Điều 16. Trách nhiệm và thẩm quyền của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập	Điều 15. Thẩm quyền, trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập	
1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên	Căn cứ quy định tại Nghị định này, quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật khác có liên quan và hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có), đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm:	
a) Chỉ đạo xây dựng Đề án vị trí việc làm và lập kế hoạch số lượng người làm việc.	1. Xác định vị trí việc làm và lựa chọn các bậc phát triển nghề nghiệp được sử dụng trong từng vị trí việc làm và tỷ lệ viên chức bố trí theo từng bậc được sử dụng tại đơn vị, xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm.	
b) Quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị; quyết định số lượng người làm việc của đơn vị, bảo đảm không được thấp hơn định mức số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập do bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành; bảo đảm việc làm, thu nhập ổn định đối với số lượng người làm việc của đơn vị, không làm tăng kinh phí chi	2. Xác định nhiệm vụ, sản phẩm và yêu cầu năng lực của từng bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm.	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
đầu tư đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.		
c) Thống kê, tổng hợp vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc của đơn vị, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp.	3. Xác định điều kiện về trình độ đào tạo, điều kiện hành nghề (nếu có).	
2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	4. Thực hiện việc bố trí viên chức thuộc phạm vi quản lý vào vị trí việc làm theo đúng tỷ lệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	
a) Chỉ đạo xây dựng Đề án vị trí việc làm; trình cấp có thẩm quyền quyết định vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị.	5. Thực hiện việc phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm của đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp, ủy quyền của cơ quan có thẩm quyền.	
b) Chỉ đạo lập kế hoạch số lượng người làm việc, kế hoạch điều chỉnh số lượng người làm việc hàng năm của đơn vị theo quy định tại Nghị định này, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.		
c) Thống kê, tổng hợp vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc của đơn vị, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp.		
Chương V	Chương V	
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	
Điều 20. Hiệu lực thi hành	Điều 16. Hiệu lực thi hành	
1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2020 và thay thế Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập.	1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
2. Bãi bỏ các nội dung quy định về tự chủ nhân sự quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.	2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các quy định liên quan đến vị trí việc làm viên chức tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập hết hiệu lực thi hành.	
	3. Trường hợp cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định về công tác cán bộ có nội dung khác với quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo quy định mới của cấp có thẩm quyền.	
Điều 19. Quy định chuyển tiếp	Điều 17. Điều khoản chuyển tiếp, áp dụng, thi hành	
1. Vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt sẽ được tiếp tục thực hiện cho đến khi bộ, ngành, địa phương ban hành quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị theo quy định tại Nghị định này.	1. Chậm nhất đến ngày 01 tháng 7 năm 2027, các bộ, ngành, cơ quan trung ương, địa phương, đơn vị sự nghiệp công lập (trong trường hợp được phân cấp, ủy quyền) phải hoàn thành các công việc sau:	
2. Trong thời gian các bộ quản lý ngành, lĩnh vực chưa ban hành văn bản hướng dẫn về định mức số lượng người làm việc đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý thì bộ, ngành, địa phương gửi Bộ Nội vụ thẩm định số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc ngành, lĩnh vực nêu trên.	a) Ban hành quyết định phê duyệt vị trí việc làm viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này để thay thế các quyết định về vị trí việc làm đã ban hành trước đó;	
	Trong thời gian cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chưa ban hành quyết định phê duyệt vị trí việc làm	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
	viên chức theo quy định tại Nghị định này, các quyết định phê duyệt vị trí việc làm ban hành trước đó được tiếp tục áp dụng trong quá trình tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.	
	b) Bố trí viên chức vào vị trí việc làm theo danh mục vị trí việc làm đã được phê duyệt theo quy định tại Nghị định này đối với viên chức được tuyển dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2026 thuộc phạm vi quản lý.	
	2. Trong thời gian cấp có thẩm quyền chưa ban hành văn bản thực hiện chế độ tiền lương mới đối với viên chức thì bậc, hệ số lương của chức danh viên chức theo quy định của pháp luật về tiền lương hiện hành được sử dụng làm căn cứ kỹ thuật chuyển tiếp để xếp lương và thực hiện chế độ, chính sách tiền lương đối với viên chức được tuyển dụng, bố trí vào vị trí việc làm quy định tại Nghị định này. Viên chức được tuyển dụng theo quy định của Luật Viên chức số 129/2025/QH15 áp dụng chế độ tiền lương hiện hành ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm được tuyển dụng quy định tại Nghị định này như sau:	Quy định bảo đảm sự ổn định việc thực hiện chế độ tiền lương hiện hành
	a) Bậc 1 xếp lương tương đương ngạch nhân viên;	
	b) Bậc 2 xếp lương tương đương ngạch cán sự;	
	c) Bậc 3 xếp lương tương đương ngạch chuyên viên;	
	d) Bậc 4 xếp lương tương đương ngạch chuyên viên chính;	
	đ) Bậc 5 xếp lương tương đương ngạch chuyên viên	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
	cao cấp.	
	3. Viên chức được bổ nhiệm vào vị trí việc làm quản lý quy định tại Nghị định này được xếp lương theo bậc, hệ số lương của chức danh viên chức chuyên môn đang giữ theo quy định của pháp luật về tiền lương hiện hành.	
	4. Viên chức đang xếp lương theo các hạng chức danh nghề nghiệp chuyển sang bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm quy định tại Nghị định này và thực hiện xếp lương như sau:	Quy định để thực hiện thống nhất chuyển xếp vào bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm
	a) Chuyển vào bậc 1 đối với trường hợp đang xếp lương tương đương ngạch nhân viên và tiếp tục xếp lương theo bậc, hệ số lương đang xếp;	
	b) Chuyển vào bậc 2 đối với trường hợp đang xếp lương tương đương ngạch cán sự và tiếp tục xếp lương theo bậc, hệ số lương đang xếp;	
	c) Chuyển vào bậc 3 đối với trường hợp đang xếp lương tương đương ngạch chuyên viên và tiếp tục xếp lương tương theo bậc, hệ số lương đang xếp;	
	d) Chuyển vào bậc 4 đối với trường hợp đang xếp lương tương đương ngạch chuyên viên chính và tiếp tục xếp lương theo bậc, hệ số lương đang xếp;	
	đ) Chuyển vào bậc 5 đối với trường hợp đang xếp lương tương đương ngạch chuyên viên cao cấp và tiếp tục xếp lương theo bậc, hệ số lương đang xếp.	
	4. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, không áp dụng các quy định về hạng chức danh nghề nghiệp, tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đã ban hành trước đó.	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
	5. Trường hợp cấp có thẩm quyền ban hành chế độ tiền lương mới theo vị trí việc làm thì việc chuyển xếp lương đối với viên chức được thực hiện theo quy định và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.	
	6. Trường hợp văn bản dẫn chiếu tại Nghị định này được thay thế thì thực hiện theo văn bản mới thay thế đó.	
Điều 17. Xử lý trách nhiệm		
Người đứng đầu bộ, ngành, địa phương, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, Hội đồng quản lý (đối với đơn vị sự nghiệp công lập có Hội đồng quản lý) và Hội đồng trường (đối với trường đại học công lập) thực hiện không đúng quy định tại Nghị định này thì bị xem xét đánh giá, xếp loại ở mức hoàn thành nhiệm vụ hàng năm và xử lý trách nhiệm theo quy định của Đảng và của pháp luật.		
Điều 18. Áp dụng quy định của Nghị định này đối với các đối tượng khác		
Các đơn vị sự nghiệp thuộc tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị sự nghiệp công lập; đơn vị sự nghiệp thuộc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được áp dụng các quy định của Nghị định này trong việc xác định vị trí việc làm, số lượng người làm việc của đơn vị.		

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
Điều 21. Trách nhiệm thi hành	Điều 18. Trách nhiệm thi hành	
<p>1. Chậm nhất đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021, Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực phải ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý; Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và hỗ trợ, phục vụ của đơn vị sự nghiệp công lập.</p>	<p>Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.</p>	
<p>2. Chậm nhất sau 03 tháng kể từ ngày Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành văn bản hướng dẫn theo quy định tại khoản 1 Điều này, các bộ, ngành, địa phương phải phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.</p>		
<p>3. Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước căn cứ vào các quy định tại Nghị định này hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý thực hiện về vị trí việc làm và số lượng người làm việc.</p>		
<p>4. Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng áp dụng quy định tại Nghị định này hướng dẫn về vị trí việc làm và số lượng người làm việc</p>		

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Dự thảo 07/4/2026)	Lý do sửa đổi
trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm phù hợp với đặc thù của lực lượng vũ trang.		
5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.		